

Số: 161/2020/QĐST-HNGĐ

T1, ngày 02 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 270/TB - TLVA ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đức K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố NS, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Lương Thị Lê, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố NS, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Đức K và chị Lương Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Anh Vũ Đức K và chị Lương Thị L có 01 con chung là Vũ Gia H, sinh ngày 21/8/2010. Giao con chung Vũ Gia H, sinh ngày 21/8/2010 cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K (con H có đơn xin ở với bố). Chị L có quyền đi lại, chăm sóc con chung không ai được cản trở, việc cấp dưỡng nuôi con chung, thay đổi người nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Vũ Đức K phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Kiên đã nộp tại Biên lai số 0009778 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T sang thi hành án phí; đối trừ trả lại anh Vũ Đức K 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND thị trấn T1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Ngọc Huyền